Số: 5136/QĐ-UBND
Thời gian ký: 23/12/2021 10:26:27 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

KẾT QUẢ
Đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2021 của UBND tỉnh Bình Định)

Triển khai Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và các dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Bình Định năm 2021 và Quyết định số 4460/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu đánh giá xếp hạng ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định, UBND tỉnh Bình Định đã giao Sở Thông tin và Truyền thông (TT&TT) tiến hành đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT đối với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh năm 2021. Kết quả cụ thể như sau:

I. CƠ SỞ, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH ĐIỂM

1. Cơ sở đánh giá

Công tác đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước được thực hiện dựa trên số liệu tổng hợp từ các mẫu phiếu khai báo do các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố cung cấp thông qua Hệ thống phần mềm chấm điểm tại địa chỉ http://egi.binhdinh.gov.vn. Sở TT&TT phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức phúc tra, thẩm định kết quả tự đánh giá của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố và đối chiếu với kết quả thực tế theo dõi mức độ ứng dụng CNTT của các cơ quan, đơn vị trong năm 2021. Trong đó:

- Đối với đánh giá về công tác cung cấp thông tin, công tác tổ chức quản trị Trang thông tin điện tử: Các số liệu được kiểm tra trực tiếp trên Trang thông tin điện tử của từng cơ quan, đơn vị.

- Đối với công tác triển khai dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan, đơn vị: Việc đánh giá được tiến hành kiểm tra, rà soát từng thủ tục hành chính của

mỗi cơ quan, đơn vị trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.binhdinh.gov.vn.

2. Tiêu chí đánh giá

Nội dung đánh giá thực hiện theo các quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông và UBND tỉnh, cụ thể:

- Quyết định số 2342/QĐ-BTTTT ngày 18/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc phê duyệt phương pháp đánh giá mức độ ứng dụng CNTT của cơ quan nhà nước;

- Quyết định số 4460/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu đánh giá xếp hạng ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Theo đó, mức độ đánh giá dựa trên 06 nhóm tiêu chí:

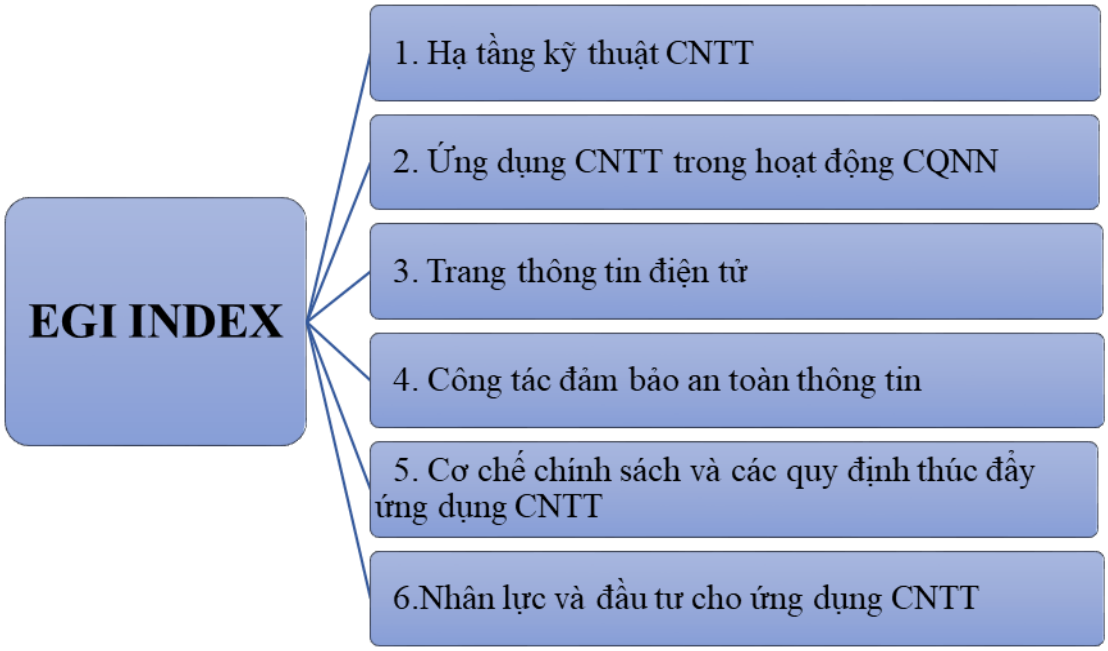

3. Phương pháp tính điểm và đánh giá xếp hạng

3.1. Phương pháp tính điểm

Tổng điểm của 06 nhóm tiêu chí là tổng điểm để xếp hạng tổng thể mức độ ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước của tỉnh theo Quyết định số 4460/QĐ-UBND ngày 29/10/2020, cụ thể:

a. Điểm tối đa của 06 nhóm tiêu chí

TT	Nhóm tiêu chí	Sở, ban ngành	Huyện, TX, TP
1	Hạ tầng kỹ thuật CNTT	13	14
2	Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước	32*	43
3	Trang thông tin điện tử	15	15
4	Công tác đảm bảo an toàn thông tin	5	5
5	Cơ chế chính sách và các quy định thúc đẩy ứng dụng CNTT	8	8
6	Nhân lực và đầu tư cho ứng dụng CNTT	12	15
Tổng điểm		**85**	**100**

Ghi chú (*):

- Đối với các 03 đơn vị (Văn phòng UBND tỉnh, Ban dân tộc tỉnh, Thanh tra tỉnh): **Không có** Danh mục TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa và một cửa liên thông quy định tại Quyết định số 4659/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của UBND tỉnh và **không có** danh mục TTHC thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ Bưu chính công ích (BCCI) theo Quyết định số 3972/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND tỉnh. Do đó, điểm của nhóm tiêu chí số (2) là **17 điểm** và tổng điểm của 06 nhóm tiêu chí là **70 điểm**.

- Đối với Sở Tài chính **không có** danh mục TTHC thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI theo Quyết định số 3972/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND tỉnh. Do đó, nhóm tiêu chí số (2) là **26 điểm** và tổng điểm của 06 nhóm tiêu chí là **79 điểm**.

b. Điểm chi tiết cho mỗi nhóm tiêu chí

- Đối với các nhóm tiêu chí gồm: Hạ tầng kỹ thuật CNTT; Ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước; Trang thông tin điện tử (Website); Nguồn nhân lực và đầu tư cho ứng dụng CNTT, tính điểm như sau:

+ Đối với tiêu chí thành phần có số liệu đánh giá "*có*" hoặc "*không*": Đánh giá "*có*" thì đạt điểm tối đa là 1; đánh giá là "*không*" thì điểm chấm là 0.

+ Đối với tiêu chí thành phần có số liệu tính theo tỉ lệ (%) được tính điểm theo thang điểm 3 bậc thì được tính: bậc 1 = 0 điểm; bậc 2 = 1 điểm; bậc 3 = 2 điểm.

- Đối với các nhóm tiêu chí "*Cơ chế chính sách*"; "*Công tác đảm bảo an toàn thông tin*", các tiêu chí thành phần có số liệu đánh giá là "*có*" và có "*tài liệu dẫn chứng*" thì đạt điểm tối đa là 1 và số liệu đánh giá là "*không*" hoặc đánh giá "*có*" nhưng không có "*tài liệu dẫn chứng*" thì điểm chấm là 0.

- Đối với nhóm tiêu chí thành phần về cung cấp dịch vụ công trực tuyến được tiến hành rà soát trên Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đối với từng đơn vị. Các tiêu chí thành phần được tính điểm như sau:

TT	Hạng mục	Sở, ban, ngành	Huyện, TX, TP
1. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
1.1	Tỷ lệ (%) thủ tục hành chính (TTHC) cung cấp trực tuyến ở mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ/Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4	2	2
1.2	Tỷ lệ (%) hồ hơ thủ tục hành chính (TTHC) cung cấp trực tuyến ở mức độ 3 có phát sinh hồ sơ/Tổng số hồ sơ TTHC mức độ 3 phát sinh hồ sơ (hình thức trực tuyến và truyền thống)	2	2
1.3	Tỷ lệ (%) hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) cung cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ/ Tổng số hồ sơ TTHC mức độ 4 phát sinh hồ sơ (hình thức trực tuyến và truyền thống)	4	4
2. Giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)			
2.1	Tỷ lệ (%) TTHC đã đăng ký tiếp nhận hoặc trả kết quả qua dịch vụ BCCI triển khai có phát sinh hồ sơ/ TTHC đã đăng ký tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI (được công bố tại Quyết định số 3972/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND tỉnh)	2	2
2.2	Tỷ lệ (%) hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI (số lượng hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI trong năm/ Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm- cả tiếp nhận qua dịch vụ BCCI và qua hình thức khác)	2	2

2.3	Tỷ lệ (%) kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI (số lượng kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI/ Số lượng kết quả giải quyết đối với số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm của các TTHC đã đăng ký)	2	2
3	Giải pháp khuyến khích người dân, tổ chức nộp hồ sơ TTHC trực tuyến	1	1
	Tổng cộng	**15**	**15**

Ghi chú:

- Đối với các 03 đơn vị (Văn phòng UBND tỉnh, Ban dân tộc tỉnh, Thanh tra tỉnh): **không có** Danh mục TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa và một cửa liên thông quy định tại Quyết định số 4659/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của UBND tỉnh và **không có** danh mục TTHC thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ Bưu chính công ích (BCCI) theo Quyết định số 3972/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND tỉnh, thì không chấm điểm các nội dung tiêu chí (1), (2) và (3).

- Đối với đơn vị Sở Tài chính **không có** danh mục TTHC thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI theo Quyết định số 3972/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND tỉnh thì **không chấm điểm** các nội dung tiêu chí số (2).

3.2. Đánh giá mức độ sẵn sàng ứng dụng CNTT

a. Về đánh giá:

Đánh giá được chia làm 3 mức: **Tốt, Khá, Trung bình**:

- Mức "**Tốt"**: Là đơn vị có tỉ lệ điểm đánh giá đạt từ **≥80%** tổng điểm.

- Mức "**Khá"**: Là đơn vị có tỉ lệ điểm đánh giá đạt từ **60% đến < 80%** tổng điểm.

- Mức "**Trung bình"**: Là đơn vị có tỉ lệ điểm đánh giá đạt **<60%** tổng điểm.

b. Về xếp hạng:

Xếp hạng theo nguyên tắc từ cao đến thấp theo tỷ lệ % đạt được (*Tỷ lệ % đạt = Điểm đơn vị tự đánh giá/Tổng điểm quy định*).

4. Danh mục các Bảng số liệu xếp hạng

Bảng 1. Xếp hạng tổng thể mức độ ứng dụng CNTT của các sở, ban, ngành

Bảng 1.1 Xếp hạng tiêu chí thành phần về "Hạ tầng kỹ thuật CNTT" của các Sở, ban, ngành.

Bảng 1.2 Xếp hạng tiêu chí thành phần về "Ứng dụng CNTT trong hoạt động nội bộ" của các Sở, ban, ngành.

Bảng 1.3 Xếp hạng tiêu chí thành phần về "Trang thông tin điện tử" của các Sở, ban, ngành.

Bảng 1.4 Xếp hạng tiêu chí thành phần về "Công tác đảm bảo an toàn thông tin" của các Sở, ban, ngành.

Bảng 1.5 Xếp hạng tiêu chí thành phần về " Cơ chế, chính sách và các quy định thúc đẩy ứng dụng CNTT " của các Sở, ban, ngành.

Bảng 1.6 Xếp hạng tiêu chí thành phần về "Nguồn nhân lực ứng dụng CNTT" của các Sở, ban, ngành.

Bảng 2. Xếp hạng tổng thể mức độ ứng dụng CNTT của các huyện, thị xã, thành phố

Bảng 2.1 Xếp hạng tiêu chí thành phần về "Hạ tầng kỹ thuật CNTT" của các huyện, thị xã, thành phố.

Bảng 2.2 Xếp hạng tiêu chí thành phần về Ứng dụng CNTT trong hoạt động nội bộ của các huyện, thị xã, thành phố.

Bảng 2.3 Xếp hạng tiêu chí thành phần về "Trang thông tin điện tử" của các huyện, thị xã, thành phố.

Bảng 2.4 Xếp hạng tiêu chí thành phần về "Công tác đảm bảo an toàn thông tin" của các huyện, thị xã, thành phố.

Bảng 2.5 Xếp hạng tiêu chí thành phần về "Cơ chế, chính sách và các quy định thúc đẩy ứng dụng CNTT" của các huyện, thị xã, thành phố.

Bảng 2.6 Xếp hạng tiêu chí thành phần về "Nguồn nhân lực ứng dụng CNTT" của các huyện, thị xã, thành phố.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG

1. Đánh giá và xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT của các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh

Bảng 1. Xếp hạng tổng thể mức độ ứng dụng CNTT của các sở, ban, ngành

TT	Tên cơ quan	Mục I Hạ tầng kỹ thuật CNTT	Mục II Ứng dụng CNTT trong hoạt động của CQNN	Mục II Trang thông tin điện tử	Mục IV Công tác đảm bảo an toàn thông tin	Mục V Cơ chế, chính sách và các quy định thúc đẩy ứng dụng CNTT	Mục VI Nhân lực và đầu tư cho ứng dụng CNTT	Tổng điểm	Tỷ lệ (%)	Kết quả đánh giá, xếp hạng 2020	Kết quả đánh, xếp hạng 2021
Mức tốt											
1	Sở Tài chính*	13	26	15	5	8	12	79	100%	1	**1**
2	Sở Thông tin và Truyền thông	13	32	15	5	8	12	85	100%		
3	Văn phòng UBND tỉnh**	13	17	15	5	8	12	70	100%	3	
4	Sở Xây dựng	13	32	15	5	8	11	84	99%	5	**4**
5	Ban Quản lý Khu kinh tế	13	32	15	5	8	11	84	99%		
6	Sở Khoa học và Công nghệ	13	32	15	5	8	11	84	99%	7	
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	13	32	15	5	8	11	84	99%	12	
8	Sở Tư pháp	13	32	15	5	8	11	84	99%	15	
9	Sở Tài Nguyên và Môi trường	13	32	15	5	8	10	83	98%	10	**9**
10	Sở Nội vụ	13	30	15	5	8	11	82	96%	7	**10**
11	Thanh tra tỉnh**	13	17	15	5	8	9	67	96%	19	
12	Sở Y tế	13	31	15	5	7	11	82	96%	15	

TT	Tên cơ quan	Mục I Hạ tầng kỹ thuật CNTT	Mục II Ứng dụng CNTT trong hoạt động của CQNN	Mục II Trang thông tin điện tử	Mục IV Công tác đảm bảo an toàn thông tin	Mục V Cơ chế, chính sách và các quy định thúc đẩy ứng dụng CNTT	Mục VI Nhân lực và đầu tư cho ứng dụng CNTT	Tổng điểm	Tỷ lệ (%)	Kết quả đánh giá, xếp hạng 2020	Kết quả đánh, xếp hạng 2021
13	Sở Công Thương	13	30	15	5	8	10	81	95%	4	**13**
14	Sở Lao động-TB&XH	12	30	15	5	8	11	81	95%	17	
15	Sở Nông nghiệp và PTNT	13	29	15	5	8	11	81	95%	13	
16	Sở Ngoại vụ	11	32	15	5	8	9	80	94%	21	**16**
17	Sở Giao thông vận tải	13	29	15	5	7	10	79	93%	7	**17**
18	Sở Giáo dục và Đào tạo	13	28	15	5	7	11	79	93%	10	
19	Sở Du lịch	13	31	15	5	6	9	79	93%	13	
20	Ban Dân tộc**	11	16	15	5	8	8	63	90%	20	**20**
21	Sở Văn hóa và Thể thao	12	30	15	5	5	8	75	88%	18	**21**

(*) là đơn vị có tổng điểm của 06 nhóm tiêu chí là **79**

(**) là đơn vị có tổng điểm của 06 nhóm tiêu chí là **70**

Hình 1. *Biểu đồ tỷ lệ đánh giá tổng thể mức độ ứng dụng CNTT của các sở, ban, ngành theo mức Tốt, Khá và Trung bình:*

Bảng 1.1 Xếp hạng tiêu chí thành phần về "Hạ tầng kỹ thuật CNTT" của các sở, ban, ngành.

TT	**Tên cơ quan**	**Tổng điểm** (Tối đa: 13)	**Tỷ lệ** (%)
Mức tốt			
1	Sở Thông tin và Truyền thông	13	100%
2	Văn phòng UBND tỉnh	13	100%
3	Sở Tài chính	13	100%
4	Sở Khoa học và Công nghệ	13	100%
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	13	100%
6	Sở Tư pháp	13	100%
7	Sở Xây dựng	13	100%
8	Ban Quản lý Khu kinh tế	13	100%
9	Sở Tài Nguyên và Môi trường	13	100%
10	Sở Nội vụ	13	100%
11	Sở Y tế	13	100%
12	Thanh tra tỉnh	13	100%
13	Sở Công thương	13	100%
14	Sở Nông nghiệp và PTNT	13	100%
15	Sở Giáo dục và Đào tạo	13	100%

16	Sở Du lịch	13	100%
17	Sở Giao thông vận tải	13	100%
18	Sở Lao động-TB&XH	12	92%
19	Sở Văn hóa và Thể thao	12	92%
20	Sở Ngoại vụ	11	85%
21	Ban Dân tộc	11	85%

Bảng 1.2 Xếp hạng tiêu chí thành phần về "Ứng dụng CNTT trong hoạt động của CQNN" tại các sở, ban, ngành.

a) Đánh giá về ứng dụng CNTT trong hoạt động CQNN

TT	**Tên cơ quan**	**Tổng điểm** (Tối đa: 17)	**Tỷ lệ** (%)
Mức tốt			
1	Sở Tài chính	17	100%
2	Văn phòng UBND tỉnh	17	100%
3	Sở Thông tin và Truyền thông	17	100%
4	Sở Khoa học và Công nghệ	17	100%
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	17	100%
6	Sở Tư pháp	17	100%
7	Sở Xây dựng	17	100%
8	Ban Quản lý Khu kinh tế	17	100%
9	Sở Tài Nguyên và Môi trường	17	100%
10	Sở Nội vụ	17	100%
11	Sở Y tế	17	100%
12	Thanh tra tỉnh	17	100%
13	Sở Lao động-TB&XH	17	100%
14	Sở Ngoại vụ	17	100%
15	Sở Giáo dục và Đào tạo	17	100%
16	Sở Giao thông vận tải	17	100%
17	Ban Dân tộc	17	100%
18	Sở Công Thương	16	94%
19	Sở Du lịch	16	94%

20	Sở Văn hóa và Thể thao	15	88%
21	Sở Nông nghiệp và PTNT	14	82%

b) Đánh giá về cung cấp dịch vụ công trực tuyến:

TT	Tên cơ quan	Tổng điểm (Tối đa:15)	Tỷ lệ (%)
Mức tốt			
1	Sở Thông tin và Truyền thông	15	100%
2	Sở Tài chính*	9	100%
3	Sở Khoa học và Công nghệ	15	100%
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	15	100%
5	Sở Tư pháp	15	100%
6	Sở Xây dựng	15	100%
7	Sở Tài Nguyên và Môi trường	15	100%
8	Sở Ngoại vụ	15	100%
9	Sở Nông nghiệp và PTNT	15	100%
10	Sở Du lịch	15	100%
11	Sở Văn hóa và Thể thao	15	100%
12	Ban Quản lý Khu kinh tế	14	93%
13	Sở Y tế	14	93%
14	Sở Nội vụ	13	87%
15	Sở Lao động-TB&XH	13	87%
16	Sở Công Thương	13	87%
17	Sở Giao thông vận tải	12	80%
Mức khá			
18	Sở Giáo dục và Đào tạo	11	73%
19	Thanh tra tỉnh	Không chấm điểm, đánh giá	
20	Văn phòng UBND tỉnh	Không chấm điểm, đánh giá	
21	Ban Dân tộc	Không chấm điểm, đánh giá	

- **Ghi chú (*)**: Đơn vị **không có** danh mục TTHC thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI theo Quyết định số 3972/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND tỉnh, thì của nhóm tiêu chí số này là **09 điểm**.

Bảng 1.3 Xếp hạng tiêu chí thành phần về "Trang thông tin điện tử" của các sở, ban, ngành:

TT	Tên cơ quan	Tổng điểm (Tối đa: 15)	Tỷ lệ (%)
Mức tốt			
1	Văn phòng UBND tỉnh	15	100%
2	Sở Tài chính	15	100%
3	Sở Thông tin và Truyền thông	15	100%
4	Sở Khoa học và Công nghệ	15	100%
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	15	100%
6	Sở Tư pháp	15	100%
7	Sở Xây dựng	15	100%
8	Ban Quản lý Khu Kinh tế	15	100%
9	Sở Tài Nguyên và Môi trường	15	100%
10	Sở Nội vụ	15	100%
11	Sở Y tế	15	100%
12	Thanh tra tỉnh	15	100%
13	Sở Lao động-TB&XH	15	100%
14	Sở Công Thương	15	100%
15	Sở Ngoại vụ	15	100%
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	15	100%
17	Sở Du lịch	15	100%
18	Sở Giao thông vận tải	15	100%
19	Ban Dân tộc	15	100%
20	Sở Văn hóa và Thể thao	15	100%
21	Sở Nông nghiệp và PTNT	15	100%

Bảng 1.4 Xếp hạng tiêu chí thành phần về "Công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin" của các sở, ban, ngành:

TT	Tên cơ quan	Tổng điểm (Tối đa: 5)	Tỷ lệ (%)
Mức tốt			
1	Văn phòng UBND tỉnh	5	100%
2	Sở Thông tin và Truyền thông	5	100%
3	Sở Tài chính	5	100%
4	Sở Khoa học và Công nghệ	5	100%
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	5	100%
6	Sở Tư pháp	5	100%

7	Sở Xây dựng	5	100%
8	Ban Quản lý Khu kinh tế	5	100%
9	Sở Tài Nguyên và Môi trường	5	100%
10	Sở Nội vụ	5	100%
11	Sở Y tế	5	100%
12	Thanh tra tỉnh	5	100%
13	Sở Lao động-TB&XH	5	100%
14	Sở Công Thương	5	100%
15	Sở Ngoại vụ	5	100%
16	Sở Nông nghiệp và PTNT	5	100%
17	Sở Giáo dục và Đào tạo	5	100%
18	Sở Du lịch	5	100%
19	Sở Giao thông vận tải	5	100%
20	Ban Dân tộc	5	100%
21	Sở Văn hóa và Thể thao	5	100%

Bảng 1.5 Xếp hạng tiêu chí thành phần về "Cơ chế, chính sách thúc đẩy ứng dụng CNTT" của các sở, ban, ngành:

TT	**Tên cơ quan**	**Tổng điểm** (Tối đa: 8)	**Tỷ lệ** (%)
Mức tốt			
1	Văn phòng UBND tỉnh	8	100%
2	Sở Thông tin và Truyền thông	8	100%
3	Sở Tài chính	8	100%
4	Sở Khoa học và Công nghệ	8	100%
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	8	100%
6	Sở Tư pháp	8	100%
7	Sở Xây dựng	8	100%
8	Ban Quản lý Khu kinh tế	8	100%
9	Sở Tài Nguyên và Môi trường	8	100%
10	Sở Nội vụ	8	100%
11	Thanh tra tỉnh	8	100%
12	Sở Lao động-TB&XH	8	100%
13	Sở Ngoại vụ	8	100%
14	Sở Nông nghiệp và PTNT	8	100%
15	Ban Dân tộc	8	100%
16	Sở Y tế	7	88%
17	Sở Công Thương	7	88%
18	Sở Giáo dục và Đào tạo	7	88%

19	Sở Giao thông vận tải	7	88%
Mức khá			
20	Sở Du lịch	6	75%
Mức trung bình			
21	Sở Văn hóa và Thể thao	5	63%

Bảng 1.6 Xếp hạng tiêu chí thành phần về "Nguồn nhân lực và đầu tư cho ứng dụng CNTT" tại các sở, ban, ngành:

TT	**Tên cơ quan**	**Tổng điểm** (Tối đa: 12)	**Tỷ lệ** (%)
Mức tốt			
1	Văn phòng UBND tỉnh	12	100%
2	Sở Tài chính	12	100%
3	Sở Thông tin và Truyền thông	12	100%
4	Sở Khoa học và Công nghệ	11	92%
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	11	92%
6	Sở Tư pháp	11	92%
7	Sở Xây dựng	11	92%
8	Ban Quản lý Khu kinh tế	11	92%
9	Sở Nội vụ	11	92%
10	Sở Y tế	11	92%
11	Sở Lao động-TB&XH	11	92%
12	Sở Công Thương	11	92%
13	Sở Nông nghiệp và PTNT	11	92%
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	11	92%
15	Sở Tài Nguyên và Môi trường	10	83%
16	Sở Giao thông vận tải	10	83%
Mức khá			
17	Thanh tra tỉnh	9	75%
18	Sở Ngoại vụ	9	75%
19	Sở Du lịch	9	75%
Mức trung bình			
20	Ban Dân tộc	8	67%
21	Sở Văn hóa và Thể thao	8	67%

2. Đánh giá và xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT đối với các huyện, thị xã, thành phố

Bảng 2. Xếp hạng tổng thể mức độ ứng dụng CNTT của các huyện, thị xã, thành phố

TT	Tên cơ quan	Mục I Hạ tầng kỹ thuật CNTT	Mục II Ứng dụng CNTT trong hoạt động của CQNN	Mục II Trang thông tin điện tử	Mục IV Công tác đảm bảo an toàn thông tin	Mục V Cơ chế, chính sách và các quy định thúc đẩy ứng dụng CNTT	Mục VI Nhân lực và đầu tư cho ứng dụng CNTT	Tổng điểm	Tỷ lệ (%)	Kết quả đánh giá, xếp hạng 2020	Kết quả đánh, xếp hạng 2021
Mức Tốt											
1	UBND thành phố Quy Nhơn	13	34	15	5	8	15	90	90%	1	**1**
2	UBND huyện Phù Cát	12	36	15	5	8	14	90	90%	3	
3	UBND thị xã Hoài Nhơn	13	38	15	3	8	13	90	90%	11	
4	UBND huyện An Lão	12	36	15	4	7	13	87	87%	1	**4**
5	UBND thị xã An Nhơn	12	33	15	5	8	14	87	87%	3	
6	UBND huyện Vân Canh	13	35	15	5	6	13	87	87%	9	
7	UBND huyện Tây Sơn	8	35	15	4	6	13	81	81%	5	**7**
8	UBND huyện Vĩnh Thạnh	10	32	14	4	7	13	80	80%	6	**8**
9	UBND huyện Phù Mỹ	12	31	15	3	6	13	80	80%	6	
Mức Khá											
10	UBND huyện Hoài Ân	9	33	15	4	4	13	78	78%	10	**10**
11	UBND huyện Tuy Phước	13	30	14	4	5	12	78	78%	11	

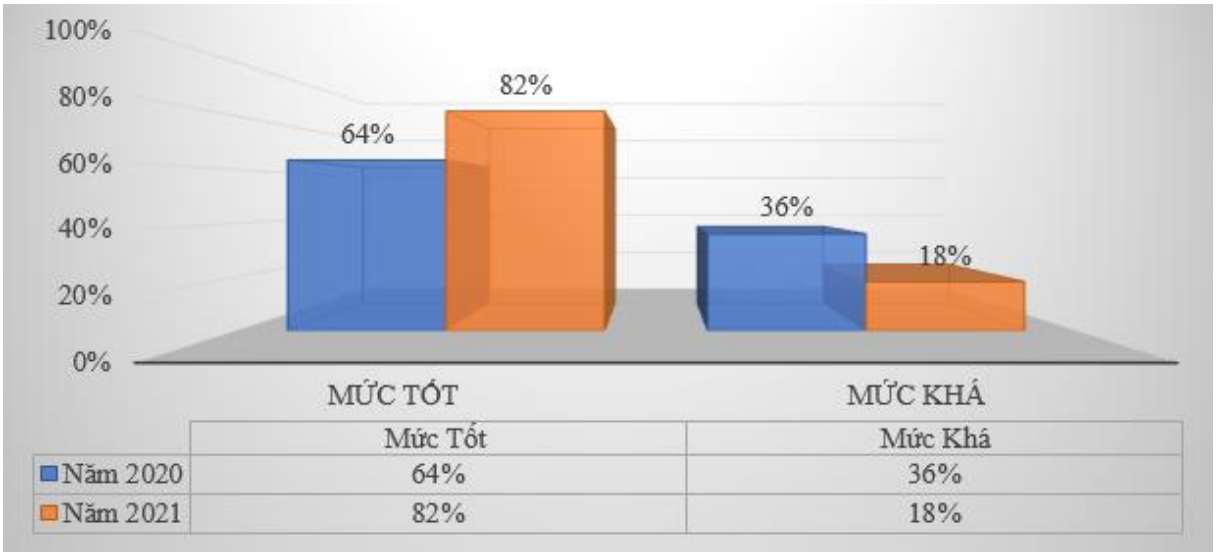

Hình 2. *Biểu đồ tỉ lệ đánh giá tổng thể mức độ ứng dụng CNTT của các huyện, thị xã, thành phố theo mức Tốt, Khá và Trung bình:*

Bảng 2.1 Xếp hạng tiêu chí thành phần về "Hạ tầng kỹ thuật CNTT" của các huyện, thị xã, thành phố.

TT	**Tên cơ quan**	**Tổng điểm** (Tối đa:14)	**Tỷ lệ** (%)
Mức tốt			
1	UBND thành phố Quy Nhơn	13	100%
2	UBND thị xã Hoài Nhơn	13	100%
3	UBND huyện Vân Canh	13	100%
4	UBND huyện Tuy Phước	13	100%
5	UBND huyện Phù Cát	12	92%
6	UBND thị xã An Nhơn	12	92%
7	UBND huyện An Lão	12	92%
8	UBND huyện Phù Mỹ	12	92%
Mức khá			
9	UBND huyện Vĩnh Thạnh	10	77%
Mức trung bình			
10	UBND huyện Tây Sơn	9	69%
11	UBND huyện Hoài Ân	9	69%

Bảng 2.2 Xếp hạng tiêu chí thành phần về Ứng dụng CNTT trong hoạt động nội bộ tại UBND các huyện, thị xã, thành phố.

a) Xếp hạng về Ứng dụng CNTT trong hoạt động nội bộ tại UBND các huyện, thị xã, thành phố

TT	Tên cơ quan	Tổng điểm (Tối đa: 28)	Tỷ lệ (%)
Mức tốt			
1	UBND huyện An Lão	27	96%
2	UBND thị xã Hoài Nhơn	27	96%
3	UBND huyện Phù Cát	27	96%
4	UBND huyện Tây Sơn	26	93%
5	UBND thị xã An Nhơn	26	93%
6	UBND huyện Vân Canh	26	93%
7	UBND thành phố Quy Nhơn	25	89%
8	UBND huyện Phù Mỹ	24	86%
9	UBND huyện Vĩnh Thạnh	23	82%
Mức khá			
10	UBND huyện Tuy Phước	22	79%
11	UBND huyện Hoài Ân	20	71%

b) Đánh giá về cung cấp dịch vụ công trực tuyến:

TT	Tên cơ quan	Tổng điểm (Tối đa:15)	Tỷ lệ (%)
Mức tốt			
1	UBND huyện Hoài Ân	13	87%
Mức khá			
2	UBND thị xã Hoài Nhơn	11	73%
Mức trung bình			
3	UBND thành phố Quy Nhơn	9	60%
4	UBND huyện Tây Sơn	9	60%
5	UBND huyện An Lão	9	60%
6	UBND huyện Vĩnh Thạnh	9	60%
7	UBND huyện Vân Canh	9	60%
8	UBND huyện Phù Cát	9	60%
9	UBND huyện Tuy Phước	8	53%
10	UBND huyện Phù Mỹ	7	47%
11	UBND thị xã An Nhơn	7	47%

Bảng 2.3 Xếp hạng tiêu chí thành phần về "Trang thông tin điện tử" của các huyện, thị xã, thành phố.

TT	Tên cơ quan	Tổng điểm (Tối đa:15)	Tỷ lệ (%)
Mức tốt			
1	UBND thành phố Quy Nhơn	15	100%
2	UBND thị xã Hoài Nhơn	15	100%
3	UBND huyện Phù Cát	15	100%
4	UBND thị xã An Nhơn	15	100%
5	UBND huyện An Lão	15	100%
6	UBND huyện Vân Canh	15	100%
7	UBND huyện Tây Sơn	15	100%
8	UBND huyện Phù Mỹ	15	100%
9	UBND huyện Hoài Ân	15	100%
10	UBND huyện Vĩnh Thạnh	14	93%
11	UBND huyện Tuy Phước	14	93%

Bảng 2.4 Xếp hạng tiêu chí thành phần về "Công tác đảm bảo an toàn thông tin" của các huyện, thị xã, thành phố.

TT	Tên cơ quan	Tổng điểm (Tối đa: 5)	Tỷ lệ (%)
Mức tốt			
1	UBND thành phố Quy Nhơn	5	100%
2	UBND huyện Phù Cát	5	100%
3	UBND thị xã An Nhơn	5	100%
4	UBND huyện Vân Canh	5	100%
5	UBND huyện An Lão	4	80%
6	UBND huyện Tây Sơn	4	80%
7	UBND huyện Vĩnh Thạnh	4	80%
8	UBND huyện Hoài Ân	4	80%
9	UBND huyện Tuy Phước	4	80%
Mức trung bình			
10	UBND thị xã Hoài Nhơn	3	60%
11	UBND huyện Phù Mỹ	3	60%

Bảng 2.5 Xếp hạng tiêu chí thành phần về "Cơ chế, chính sách và các quy định thúc đẩy ứng dụng CNTT" của các huyện, thị xã, thành phố.

TT	Tên cơ quan	Tổng điểm (Tối đa:8)	Tỷ lệ (%)
Mức tốt			
1	UBND thành phố Quy Nhơn	8	100%
2	UBND thị xã Hoài Nhơn	8	100%
3	UBND huyện Phù Cát	8	100%
4	UBND thị xã An Nhơn	8	100%
5	UBND huyện An Lão	7	88%
6	UBND huyện Vĩnh Thạnh	7	88%
7	UBND huyện Vân Canh	6	75%
8	UBND huyện Tây Sơn	6	75%
9	UBND huyện Phù Mỹ	6	75%
10	UBND huyện Tuy Phước	5	63%
11	UBND huyện Hoài Ân	4	50%

Bảng 2.6 Xếp hạng tiêu chí thành phần về "Nguồn nhân lực ứng dụng CNTT" của các huyện, thị xã, thành phố.

TT	Tên cơ quan	Tổng điểm (Tối đa:15)	Tỷ lệ (%)
Mức tốt			
1	UBND thành phố Quy Nhơn	15	100%
2	UBND thị xã Hoài Nhơn	13	87%
3	UBND huyện Phù Cát	14	93%
4	UBND thị xã An Nhơn	14	93%
5	UBND huyện An Lão	13	87%
6	UBND huyện Vân Canh	13	87%
7	UBND huyện Tây Sơn	13	87%
8	UBND huyện Phù Mỹ	13	87%
9	UBND huyện Vĩnh Thạnh	13	87%
10	UBND huyện Hoài Ân	13	87%
11	UBND huyện Tuy Phước	12	80%

III. KẾT LUẬN

Trong năm 2021, công tác ứng dụng CNTT trong xây dựng chính quyền điện tử đã được lãnh đạo các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định quan tâm, thể hiện qua việc tăng mạnh các chỉ số về ứng dụng CNTT trong cơ quan, nhà nước; công tác đảm bảo an toàn thông tin được quan tâm, chú trọng. Kết quả ứng dụng CNTT đã góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả trong hoạt động nội bộ của các cơ quan nhà nước trong công tác cải cách hành chính, phục vụ cho người dân và doanh nghiệp tốt hơn. Tỷ lệ mức "Tốt" ở cấp sở, ban, ngành đạt 100%, **tăng 19%** (*so với năm 2020*), tỷ lệ mức "Tốt" ở cấp huyện, thị xã, thành phố đạt 82% **tăng 18%** (*so với năm 2020*).

1. Về hạ tầng kỹ thuật CNTT

Trong năm 2021, các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã trang bị tương đối đầy đủ máy tính có kết nối Internet cho cán bộ, công chức để phục vụ xử lý công việc, tỷ lệ máy tính được cài đặt phần mềm diệt virut có bản quyền tăng cao so với năm trước. Tuy nhiên, các cơ quan, đơn vị chưa quan tâm đầu tư mua sắm các hệ thống đảm bảo an toàn thông tin (*Hệ thống tường lửa, thiết bị tường lửa có tính năng phát hiện và phòng chống truy cập trái phép*). Đối với UBND các huyện, thị xã thành phố chưa chú trọng đầu tư, thuê đường truyền Mạng truyền số liệu chuyên dùng kết nối từ cấp huyện đến cấp xã theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Về nhân lực và đầu tư cho ứng dụng CNTT:

Các đơn vị đã tập trung nguồn vốn đầu tư cho ứng dụng CNTT trong hoạt động quản lý, mua sắm phần mềm phục vụ công tác chỉ đạo điều hành. Tuy nhiên, nguồn lực cho công tác đảm bảo an toàn thông tin chưa được chú trọng, cán bộ làm công tác CNTT tại các cơ quan, đơn vị chủ yếu là kiêm nhiệm.

3. Về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước

- Công tác triển khai ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước ngày càng mang lại hiệu quả cho công tác quản lý, điều hành. Việc triển khai dịch vụ công trực tuyến đã có chuyển biến tích cực hơn so với các năm trước: Hiện nay, Cổng dịch vụ công của tỉnh đã cung cấp 50 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và và 1.179 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (đạt tỷ lệ 60 %); trong đó có 1.043 dịch vụ mức độ 4 của tỉnh được tích hợp trên Cổng thông tin quốc gia (bao gồm: 831 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 của các sở, ban thuộc UBND tỉnh, 160 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 của UBND cấp

huyện và 52 dịch vụ công trực tuyến của UBND cấp xã). Hầu hết các cơ quan đã thường xuyên ứng dụng chữ ký số chuyên dùng, thực hiện gửi - nhận văn bản điện tử có ký số qua hệ thống Văn phòng điện tử liên thông. Tuy nhiên, việc sử dụng thư điện tử công vụ trong trao đổi, giải quyết công việc hằng ngày vẫn còn thấp.

- Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị cơ bản đã cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin đến với người dân và doanh nghiệp, đáp ứng các yêu cầu quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Về Công tác đảm bảo an toàn thông tin

Công tác đảm bảo an toàn thông tin trong ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị năm qua đã đạt được nhiều kết quả tích cực, 100% sở, ban, ngành đạt chỉ tiêu về công tác đảm bảo an toàn thông tin theo quy định. Hệ thống thông tin của các đơn vị hoạt động đảm bảo ổn định xuyên suốt. Thực hiện nghiêm túc các quy định, hướng dẫn về đảm bảo an toàn thông tin cho hệ thống, các sự cố về mất an toàn thông tin được phát hiện và xử lý kịp thời.

5. Về xây dựng cơ chế, chính sách đẩy mạnh ứng dụng CNTT

Công tác xây dựng các chính sách, quy định sử dụng hệ thống Văn phòng điện tử, chữ ký số, trang thông tin điện tử đã được thực hiện. Công tác xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ đối với hệ thống thông tin do cơ quan, đơn vị làm chủ quản đã được các cơ quan, đơn vị quan tâm, chú trọng thực hiện; đến thời điểm phúc tra, đánh giá đã có 19 cơ quan (*16/21 sở, ngành, chiếm 76%; 03/11 huyện, chiếm 27%*) thực hiện xác định, phê duyệt cấp độ an toàn thông tin đối với hệ thống thông tin do đơn vị làm chủ quản theo quy định của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Trên đây là Kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2021./.